TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2019/HC-PT
Ngày 28-3-2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Vinh Quang;

Các Thẩm phán: Ông Mai Anh Tài;

Ông Đặng Văn Hưng.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc – Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: ông Bùi Ngọc Tân - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 28 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 226/2018/TLPT-HC ngày 03-8-2018, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 28/2018/HC-ST ngày 12-6-2018 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ninh. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1900/2019/QĐPT ngày 13-3-2019 giữa các đương sự:

* ***Người khởi kiện:*** Ông **Ngô Gia L**, sinh năm 1943; cư trú tại xóm C, xã T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn N, sinh năm 1959; cư trú tại phố P, phường K, quận Đ, thành phố Hà Nội; có mặt.

* ***Người bị kiện:*** **Uỷ ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh** (ông Nguyễn Đức L – Chủ tịch); địa chỉ: Thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

- *Đại diện theo ủy quyền:* (Văn bản số 1204 ngày 21-3-2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh): Ông Cao Tường H – Chức vụ: Phó Chủ tịch; vắng mặt; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:* Ông Nguyễn Kiên C, cư trú tại phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

* ***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

1. Uỷ ban nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh;

- *Đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Văn H – Chủ tịch; vắng mặt.

- *Đại diện theo ủy quyền:* Ông Lê Mạnh T – Phó Chủ tịch; vắng mặt; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Trần Thị Ch (vợ ông Ngô Gia L), sinh năm 1940; cư trú tại xóm C, xã T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án hành chính sơ thẩm của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ninh có nội dung tóm tắt như sau:

Hộ gia đình ông Ngô Gia L được cấp các Giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất sau: GCNQSD đất số AO623211 ngày 26-01-2009 diện tích 1.910m^2 (1500m^2 đất ở và 410m^2 đất trồng cây lâu năm) thửa 421 tờ bản đồ địa chính (P28) tương ứng thửa 52 bản đồ GPMB *(bl428)*; GCNQSD đất K487500 ngày 08-7-1998 có tổng diện tích 1.070m^2 thuộc các thửa 100, 345, 346, 427 và 1.059,4m^2 đất hoang do tự khai thác, sử dụng tại thửa 420, 344 tờ bản đồ địa chính (P28) tương ứng các thửa 43, 44, 45, 46, 53 bản đồ GPMB *(bl 490, 501-508).* Tại thời điểm ngày 11-12-2014, hộ ông L có 06 nhân khẩu gồm: Ngô thị Ch (vợ); vợ chồng ông Ngô Gia H - Phùng thị P và con Ngô Thị TH*(bl 27-30).*

Dự án đầu tư xây dựng công trình Bệnh viện đa khoa thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh (viết tắt "Dự án") tại xóm C, xã T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh (viết tắt UBND tỉnh QN) đã ban hành các Quyết định (viết tắt QĐ) sau: QĐ.1574 ngày 24-6-2013 Chấp thuận chủ trương đầu tư và địa điểm Dự án; QĐ.2104 ngày 16-8-2013 Phê duyệt quy hoach chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án; QĐ.2972 ngày 30-10-2013 Phê duyệt Dự án *(bl 174)*; QĐ.3212 ngày 25-11-2013 Phê duyệt quy hoach chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án *(bl 176)*; QĐ.1321 Phê duyệt giá đất để thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng (viết tắt BT.GPMB) Dự án *(bl 179)*; QĐ.2887 ngày 01-12-2014 Phê duyệt giá đất cụ thể để BT.GPMB Dự án *(bl 181)*. UBND thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh (viết tắt UBND.QY) đã ban hành các văn bản: Thông báo số 89/TB (viết tắt TB.89) ngày 11-02-2014 *(bl 178)*; TB.206 ngày 25-7-2016 *(bl 398)*; QĐ.6551 ngày 11-12-2014 *(bl 183)*; QĐ.5488 ngày 13-11-2015 *(bl 387)*; QĐ.4864 ngày 13-9-2016 *(bl 401)* về việc thu hồi đất thực hiện Dự án. QĐ.6550 ngày 11-12-2014 *(bl 185)*; QĐ.1691 ngày 04-5-2015 *(bl 381)*; QĐ.5487 ngày 13-11-2015 *(bl 385)*; QĐ.4863 ngày 13-9-2016 *(bl 399)* phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (viết tắt BT.HT.TĐC) có liên quan đến việc thu hồi đất hộ ông Ngô Gia L. Tổng hợp diện tích đất đã thu hồi (03 đợt) và số tiền BT.HT của hộ gia đình ông Ngô Gia L đã nhận gồm: 1500m^2 đất ở (vị trí 3) đơn giá 1.080.000đ/m^2; 410m^2 đất trồng cây lâu năm đơn giá 37.400đ/m^2; 855m^2 đất nông nghiệp thuộc các thửa 345, 346, 427 đơn giá

44.800đ/m^2; 1.262,7m^2 đất khai hoang thuộc các thửa 344, 420, 418 đơn giá 37.400đ/m^2; 36m^2 đất giao thông thuộc thửa 421 không đền bù *(bl 185, 232-343).*

Sau khi nhận tiền BT.HT theo QĐ.6550, ông Ngô Gia L có đơn khiếu nại đối với Chủ tịch UBND.QY yêu cầu hủy một phần QĐ.6550 xác định lại toàn bộ 1.910m^2 đất thửa 421 là đất ở theo khoản 2 Điều 45 NĐ.181; điểm b khoản 5 Điều 24 NĐ.43; áp dụng đơn giá BT thửa 421 nằm ở vị trí số 2 QĐ.1321; xác định là đất nông nghiệp nằm xen kẽ trong khu dân cư và yêu cầu hỗ trợ 100% đối với 1.070m^2 (thửa 100, 345, 346, 427) và 35% giá đất trung bình của 1.059,4m^2 (thửa 334, 418, 420), yêu cầu hỗ trợ chuyển đổi nghề và ổn định đời sống theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 17; Điều 36 và Điều 39 QĐ.499 của UBND.QN ngày 11-02-2010; yêu cầu hỗ trợ hoa màu theo Điều 24 NĐ.197; điểm 3 mục 6.2 phần I Bản quy định theo QĐ.398 ngày 27-02-2012 của UBND.QN *(bl 417).*

Tại QĐ.1401 giải quyết khiếu nại ngày 29-4-2016, Chủ tịch UBND.QY đã không chấp nhận yêu cầu của ông Ngô Gia L *(bl 391)*, nên ông L tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND.QN. Ngày 06-01-2017, Chủ tịch UBND.QN đã ban hành QĐ.45 không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của ông Ngô Gia L *(bl 05).* Ngày 07-11-2017, ông Ngô Gia L khởi kiện kèm theo tài liệu yêu cầu hủy Quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 6/01/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh, trên cơ sở đó hủy một phần Quyết định số 6550/QĐ-UBND ngày 11-12-2014 của UBND thị xã Q và buộc lập lại Phương án bồi thường cho hộ gia đình của ông L như đã đề cập như trên.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 28/2018/HC-ST ngày 12-6-2018, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã quyết định: *Bác yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Gia L về việc yêu cầu hủy Quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 06-01-2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh, trên cơ sở đó hủy một phần Quyết định số 6550/QĐ-UBND ngày 11-12-2014 của UBND thị xã Q và buộc lập lại Phương án bồi thường.*

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo, kháng nghị theo luật định.

Ngày 18-6-2018, ông Ngô Gia L kháng cáo toàn bộ bản án, yêu cầu hủy QĐ.45; hủy một phần QĐ.6550 và buộc lập lại Phương án bồi thường cho hộ gia đình của ông L *(bl 667).*

Tại phiên tòa phúc thẩm

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện không rút kháng cáo, xin bổ sung kháng cáo và trình bày: UBND.QY đã thu hồi thiếu đất của hộ ông L theo 03 Biên bản xác định mốc giới vào các năm 2014, năm 2015 và năm 2016; yêu cầu UBND.QY xuất trình bản gốc 03 Biên bản xác định mốc giới trên đây; giải thích

vì sao UBND.QY không giao đất nông nghiệp lâu dài đối với 1.059m^2 và cấp GCNQSD đất cho hộ ông L.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của người bị khởi kiện trình bày: Đối với các nội dung trong đơn kháng cáo của ông L, đại diện UBND.QY và UBND.QN đã trình bày cụ thể tại phiên tòa trước, nay không có gì thay đổi hoặc bổ sung. Đối với nội dung người đại diện theo ủy quyền của ông L yêu cầu không nằm trong đơn khởi kiện và nội dung kháng cáo của ông L, đề nghị không xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trình bày quan điểm giải quyết vụ án: Về tố tụng, Đơn kháng cáo của ông L nằm trong hạn luật định nên được coi là hợp lệ. Nội dung trình bày của người đại diện theo ủy quyền của ông L thuộc phạm vi giải quyết vụ án, nên không xem xét. Những nội dung kháng cáo của ông L không có cơ sở chấp nhận, đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Trên cơ sở các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra; lời trình bày của những người tham gia tố tụng; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội và kết quả tranh luận tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[I] Về tố tụng:

Căn cứ Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 206 Luật tố tụng hành chính, xác định: QĐ.45 ngày 06-01-2017 về việc giải quyết khiếu nại đối với ông Ngô Gia L của Chủ tịch UBND tỉnh QN và QĐ.6550 ngày 11-12-2014 của Chủ tịch UBND.QY Phê duyệt Phương án BT.GPMB khi thu hồi đất của hộ ông L cho Dự án BVĐK.QY được xác định là các quyết định hành chính. Đơn khởi kiện ngày 07-11-2017 của ông Ngô Gia L nằm trong trong thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ninh. Đơn kháng cáo ngày 18-6-2018 của ông Ngô Gia L đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 28/2018/HC-ST ngày 12-6-2018 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ninh nằm trong thời hạn luật định nên được xác định là hợp lệ.

[II] Về nội dung:

Đối với nội dung kháng cáo yêu cầu hủy QĐ.45; trên cơ sở đó hủy một phần QĐ.6550 và buộc xác lập lại Phương án BT.GPMB khi thu hồi đất của ông Ngô Gia L, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành đi sâu phân tích về trình tự thủ tục, thẩm quyền ban hành và nội dung của các QĐ.45 và QĐ.6550 có đúng quy định của pháp luật hay không?. Cụ thể:

[1] Về thẩm quyền và trình tự ban hành:

[1.1] *Đối với QĐ.45:* Ngày 06-01-2017, Chủ tịch UBND.QN ban hành QĐ.45 về việc giải quyết khiếu nại của ông Ngô Gia L đối với QĐ.6550 ngày 11-12-2014

của UBND.QY là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền quy định tại các Điều 36; Điều 38; Điều 39 Luật Khiếu nại.

[1.2] *Đối với QĐ.6550:* Tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa là căn cứ xác định: Việc thu hồi đất xây dựng BVĐK.QY tại xóm C, xã T, thị xã Q để phát triển kinh tế xã hội, vì lợi ích quốc gia, cộng đồng. Việc ngày 11-12-2014 UBND.QY ban hành QĐ.6551 thu hồi đất và QĐ.6550 phê duyệt phương án BT.HT.TĐC liên quan đến việc sử dụng đất của hộ ông Ngô Gia L đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền quy định tại Điều 62; Điều 66; Điều 67; Điều 68; Điều 69 Luật đất đai năm 2013 có hiệu lực từ ngày 01-7-2014 (viết tắt "Luật ĐĐ.2013").

[2] Xét nội dung QĐ.45 và QĐ.6550:

[2.1] *Về việc áp dụng pháp luật:* Khoản 6 Điều 210 Luật ĐĐ.2013 quy định: *Đối với những dự án, hạng mục đã chi trả xong bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì không áp dụng theo quy định của Luật này. Trường hợp những dự án, hạng mục đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hoặc đang thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phương án đã được phê duyệt trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo phương án đã phê duyệt, không áp dụng theo quy định của Luật này.* Đối chiếu với quy định trên đây, việc UBND.QY và UBND.QN áp dụng Luật ĐĐ.2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật đất đai năm 2013 để ban hành QĐ.6550 ngày 11-12-2014 phê duyệt phương án BT.HT.TĐC và QĐ.45 ngày 06-01-2017 giải quyết khiếu nại của ông Ngô Gia L là có căn cứ pháp luật. Do vậy, quan điểm của ông L và người đại diện ủy quyền của ông L dẫn chiếu yêu cầu áp dụng các văn bản pháp luật đã hết hiệu lực là không có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Cơ sở pháp lý đối với nội dung QĐ.6550:

[2.2.1] Đối với yêu cầu xác định toàn bộ 1.910m^2 là đất ở theo GCNQSD đất số AO623211 ngày 26-01-2009 được BT theo đất loại 2, Hội đồng xét xử phúc thẩm có nhận xét như sau:

Ngày 26-3-2009 UBND huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh cấp GCNQSD đất số AO 623211 cho hộ ông Ngô Gia L là chủ sử dụng 1.910m^2 bao gồm: 1500m^2 đất ở và 410m^2 đất trồng cây lâu năm tại thửa 421 tờ bản đồ địa chính (P28) tương ứng thửa 52 bản đồ GPMB. Tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự xác định khi thực hiện việc thu hồi đất, diện tích trong GCNQSD đất số AO623211 không thay đổi. Khoản 1 Điều 143 Luật ĐĐ.2013 quy định: *Đất ở do hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng tại nông thôn gồm đất để xây dựng nhà ở, xây dựng các công trình phục vụ đời sống, vườn, ao trong cùng thửa đất thuộc khu dân cư nông thôn, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.* Đối chiếu

với quy định trên đây xác định nếu bị thu hồi toàn bộ đất ở thì hộ ông L phải được BT 1500m^2 đất ở ghi trong GCNQSD đất số AO623211 theo khoản 1 Điều 75 Luật ĐĐ.2013. Thực tế nội dung QĐ.6550 chỉ BT.HT đợt I khi thu hồi 539m^2 đất ở của hộ ông L với đơn giá 100% = 1.080.000đ/m^2 theo QĐ.1766 ngày 13-8-2014 của UBND.QN ban hành Quy định về BT.HT.TĐC theo Luật ĐĐ.2013 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh là có căn cứ. Vì vậy, nội dung yêu cầu BT.HT theo Luật ĐĐ.2003 và NĐ.181 như đã phân tích tại mục [2.1] của ông L là không có cơ sở. Tài liệu có trong hồ sơ xác định diện tích 1500m^2 đất ở của hộ ông L thuộc thưa đất số 52, tờ bản đồ GPMB số 1 (là thưa đất sổ 421 bản đồ địa chính) nằm ở vị trí cách mép đường 13m, phía sau thửa đất số 344 và thửa đất 344 tiếp giáp mặt đường trục chính liên thôn do UBND xã quản lý. QĐ.1321 của UBND.QN phê duyệt giá đất ở để BT.GPMB Dự án BVĐK thị xã Q quy định: *Đất bám mặt đường chính trục liên xã đoạn từ giáp câu Chợ Rộc đến giáp cầu Cây sằm, xã T (vị trí 1) giá 3.000.000đ/m^2; Các thửa đất sau vị trí 1 đến thửa đất số 51 (tờ bản đồ GPMB phải tuyến) và các thửa đất phía sau vị trí 1 đến thửa đất số 41 (tờ bản đồ GPMB trái tuyến) thuộc (vị trí 2) giá 1.605.000đ/m^2; Các thửa đất số 16, 18-23, 25-27, 30-36, 42, 47, 49, 52, 54 và 68 thuộc (vị trí 3) giá: 1.080.000đ/m^2; Các thửa đất số 3, 5, 7, 11-13, giá: 820.000đ/m^2*. Đối chiếu quy định trên đây, xác định diện tích 1500m^2 đất ở của hộ ông L thuộc thưa đất số 52 thuộc vị trí 2, nên nội dung kháng cáo này không có cơ sở. Đối với diện tích 400m^2 đất còn lại trong GCNQSD đất số AO 623211 ghi rõ là đất trồng cây lâu năm, hồ sơ không có tài liệu nào xác định đây là đất ở, nên nội dung kháng cáo yêu cầu BT 400m^2 là đất ở không có sơ sở.

[2.2.2] Đối với yêu cầu xác định 1.070m^2 (các thửa 100, 345, 346, 427) là đất nông nghiệp nằm xen kẽ trong khu dân cư được hỗ trợ 100% và hỗ trợ 35% giá đất trung bình của 1.059,4m^2 đất nông nghiệp (các thửa 334, 418, 420) theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 17 QĐ.499 ngày 11-02-2010 của UBND.QN, Hội đồng xét xử phúc thẩm có nhận xét như sau:

Như đã phân tích tại mục [2.1], việc UBND.QY áp dụng QĐ.1766 là có căn cứ. QĐ.6550 phê duyệt phương án BT.HT 100% diện tích 410m2 đất trồng cây lâu năm tại các thửa 421 (P28); 100% diện tích 855m^2 đất nông nghiệp tại thửa số 427, 345, 346 (P28) theo GCNQSD đất K487500 và H122226; 100% đối với diện tích 1.274,4m^2 đất tại các thửa 344, 420 (P28) đã đáp ứng yêu cầu được BT.HT của ông L. Do vậy, nội dung kháng cáo yêu cầu áp dụng QĐ.499 ngày 11-02-2010 khi không còn hiệu lực của ông Ngô Gia L là không có cơ sở, nên không được chấp nhận.

[2.2.3] Đối với nội dung yêu cầu hỗ trợ di chuyển TĐC mức 30% cho hộ gia đình các ông Ngô Gia H và Ngô Gia Tr, Hội đồng xét xử phúc thẩm có nhận xét như sau: Có cơ sở xác định tại thời điểm lập phương án BT.HT theo QĐ.6550, tài liệu khi kiểm kê tài sản không có hộ gia đình ông Ngô Gia Tr là phù hợp với sổ hộ

khẩu xác nhận vợ chồng ông Tr đã cắt chuyển hộ khẩu về Cẩm Phả Quảng Ninh từ năm 2008 *(bl 27-30)*. Như vậy yêu cầu hỗ trợ di chuyển TĐC cho hộ ông Ngô Gia Tr là không có cơ sở.

Nội dung QĐ.6550 thể hiện chính sách hỗ trợ đối với thửa đất có nhà ở gồm: BT chi phí chuyển nhà 5.000.000 đồng; HT 100% tiền thuê nhà cho 06 nhân khẩu bao gồm cả hộ ông H 12.000.000 đồng; HT ổn định đời sống do phải di chuyển nhà TĐC cho 10 nhân khẩu 26.100.000 đồng; HT khoản tiền TĐC tại chỗ cho hộ chính chủ 36.000.000 đồng, là đã tạo điều kiện cho hộ gia đình ông L. Tổng hợp tài liệu trong hồ sơ thể hiện khi bị thu hồi đất, hộ gia đình ông Ngô Gia L đã nhận tổng số tiền các khoản hỗ trợ là 516.140.000đ bao gồm: Hỗ trợ tiền thuê nhà ở do phải phá dỡ nhà bị thu hồi 12.000.000đ; hỗ trợ ổn định đời sống cho 10 nhân khẩu 52.380.000đ; hỗ trợ tự tìm mua đất TĐC 120.000.000đ; hỗ trợ ổn định sản xuất cho hộ gia đình bị thu hồi 100% diện tích đất nông nghiệp giao lâu dài cho 10 nhân khẩu 104.760.000đ; hỗ trợ chuyển đổi nghề về tìm kiếm việc làm 107.000.000đ; hỗ trợ tự lo chỗ ở TĐC cho 02 cặp vợ chồng ông Tr và ông H (con trai ông L) 120.000.000đ.

[2.2.4] Đối với nội dung yêu cầu được HT tiền hoa màu, Hội đồng xét xử phúc thẩm có nhận xét như sau: Điều 83 Luật ĐĐ.2013 và nội dung các văn bản hướng dẫn thực hiện không có nội dung nào quy định HT về "tiền hoa màu". Mặt khác, tại Biên bản phiên tòa sơ thẩm người khởi kiện đã rút yêu cầu này nên không có cơ sở xem xét.

[2.3] *Cơ sở pháp lý đối với nội dung QĐ.45:* Trên cơ sở phân tích tại mục [3.2], Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định nội dung QĐ.45 không chấp nhận yêu cầu khiếu nại QĐ.6550 của ông Ngô Gia L là có căn cứ pháp luật.

[3] Đối với nội dung bổ sung kháng cáo được người đại diện theo ủy quyền của ông L yêu cầu giải quyết về việc UBND.QY đã thu hồi thiếu diện tích đất của hộ ông L theo 03 Biên bản xác định mốc giới vào các năm 2014, năm 2015 và năm 2016; Yêu cầu UBND.QY xuất trình bản gốc 03 Biên bản xác định mốc giới trên đây và vì sao UBND.QY không giao đất nông nghiệp lâu dài đối với 1.059m^2 và cấp GCNQSD đất cho hộ ông L?, đều không nằm trong nội dung đơn khởi kiện và phạm vi kháng cáo của ông L, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng Hành chính; Điều 22 Luật tổ chức chính quyền địa phương; Điều 21 Luật khiếu nại; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Không chấp nhận kháng cáo của ông Ngô Gia L.

[2]. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 28/2018/HCST ngày 12-6-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Gia L về việc yêu cầu hủy Quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 06-01-2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh, trên cơ sở đó hủy một phần Quyết định số 6550/QĐ-UBND của UBND thị xã Q ngày 11-12-2014 và buộc lập lại phương án bồi thường cho hộ gia đình ông Ngô Gia L.

[3]. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Ngô Gia L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AC/2016/0000959 ngày 04-7-2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

[4]. Các nội dung khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hiệu kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm được công bố công khai, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Cục THA dân sự tỉnh Quảng Ninh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Vinh Quang